

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quang Phước**.

2. Bà **Trần Thị Đào**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 100/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV D** (gọi tắt là **Công ty D**); Địa chỉ: **khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Mộng D**, sinh ngày 30/6/1970, CCCD số 083070003579, do Cục Cảnh sát cấp ngày 28/5/2023, chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Phương Hồng T**, sinh ngày 11/10/2003, CCCD số 072303002619, do Cục Cảnh sát cấp ngày 05/9/2022 (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/01/2026) (Bà **T** có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1987, ngụ tại **ấp X, xã L, tỉnh Tây Ninh** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 16/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV D là bà Lê Phương Hồng T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên từ năm 2009, Công ty D đã nhiều lần bán phân bón (diêm tro) cho bà L. Quá trình mua bán được thực hiện nhiều lần, đến ngày 28/6/2015, bà L còn nợ Công ty D tổng số tiền mua phân bón là 32.890.000 đồng.

Sau nhiều lần được Công ty D yêu cầu thanh toán, đến ngày 09/12/2017 bà L chỉ thanh toán được số tiền 500.000 đồng, nên số tiền còn nợ là 32.390.000 đồng. Việc còn nợ số tiền này đã được bà L xác nhận và ký tên tại phiếu thu ngày 09/12/2017.

Mặc dù Công ty D đã nhiều lần yêu cầu thanh toán trong một thời gian dài nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh giải quyết, buộc bà Liên thanh T1 cho Công ty D số tiền nợ mua phân bón còn lại là 32.390.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, không có bất kỳ yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, việc vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến, xem như bà L từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: (i) Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; (ii) Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; (iii) Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án dân sự xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán của Công ty D đối với bà L. Buộc bà L có trách nhiệm trả cho Công ty D số tiền 32.390.000 đồng. Ghi nhận Công ty D không yêu cầu tính lãi suất.

- Về án phí sơ thẩm dân sự: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà L, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình và cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, bà L phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn. Đồng thời, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án trên cơ sở các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sở giao hàng do nguyên đơn cung cấp (bút lục từ số 30 đến số 52) thể hiện từ năm 2009 Công ty D đã nhiều lần bán phân bón (diêm tro) cho bà L. Theo nội dung đối chiếu công nợ giữa các bên, đến ngày 28/6/2015 bà L còn nợ tiền mua phân bón số tiền 32.890.000 đồng. Sau đó, ngày 09/12/2017 bà Liên thanh TI được 500.000 đồng, nên số tiền còn nợ lại là 32.390.000 đồng. Khoản nợ này được thể hiện tại phiếu thu ngày 09/12/2017 có nội dung xác nhận số tiền còn nợ 32.390.000 đồng và có chữ ký xác nhận của bà Võ Thị L (bút lục 29). Do đó, có căn cứ xác định giữa Công ty D và bà L đã phát sinh quan hệ mua bán phân bón và tại thời điểm ngày 09/12/2017 bà L còn nợ Công ty D số tiền 32.390.000 đồng.

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tạo điều kiện thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bà L vẫn không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ hoặc có căn cứ khác làm chấm dứt nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có nghĩa vụ chứng minh cho ý kiến của mình và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác định bà **L** còn nợ **Công ty D** số tiền 32.390.000 đồng.

Quan hệ giữa các bên là quan hệ hợp đồng mua bán tài sản. **Công ty D** đã giao hàng cho bà **L**, do đó bà **L** có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản. Việc bà **L** chưa thanh toán số tiền còn nợ 32.390.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của **Công ty D** về việc buộc bà **Liên thanh T1** số tiền 32.390.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà **Liên thanh T1** tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh là phù hợp với các tình tiết, chứng cứ và nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty D** được chấp nhận nên bị đơn bà **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH MTV D** đối với bị đơn bà **Võ Thị L** về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bà **Võ Thị L** có nghĩa vụ trả cho **Công ty TNHH MTV D** số tiền 32.390.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì

còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Võ Thị L** phải chịu 1.619.500 đồng (Một triệu sáu trăm mười chín nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho **Công ty TNHH MTV D** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 810.000 đồng (Tám trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001545 ngày 21/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 – Tây Ninh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án/quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích V